TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2022/HS-ST Ngày 11 - 01 - 2022	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thái Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Quyến

Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 09 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Ngọc T, sinh năm 1984 tại PH, Hậu Giang; nơi cư trú: ấp TLA, xã TL, huyện PH, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Ngọc Tr và bà Phạm Thị S; chưa có vợ, con; tiền án: có 03 tiền án (1. Bản án số 40/2012/HSST ngày 15/11/2012 của Tòa án nhân dân thị xã NB, tỉnh Hậu Giang xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đến ngày 15/11/2013

chấp hành xong hình phạt tù; 2. Bản án số 55/2015/HSST ngày 08/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xử phạt 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đến ngày 16/6/2017 chấp hành xong hình phạt tù; 3. Bản án số 11/2018/HSST ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/3/2020); tiền sự: không; nhân thân: ngày 01/01/2003 sử dụng trái phép chất ma túy bị công an xã TL áp dụng Nghị định 163, đã chấp hành xong; ngày 01/01/2010, có hành vi trộm cắp vặt bị công an xã TL xử phạt vi phạm hành chính, đã chấp hành xong; ngày 25/01/2010, sử dụng trái phép chất ma túy bị công an xã TL áp dụng Nghị định 163, đã chấp hành xong; ngày 24/7/2012 bị Công an huyện PH đưa vào cơ sở chữa bệnh, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/6/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1988 tại PH, Hậu Giang; nơi cư trú: ấp TLA, xã TL, huyện PH, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 06/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị H; chưa có vợ, con; tiền án: có 03 tiền án (1. Bản án số 155/2011/HSST ngày 19/8/2011 của Tòa án nhân dân quận NK, thành phố Cần Thơ xử phạt 02 năm tù về tội vận chuyển trái phép chất ma túy, đến ngày 20/02/2013 chấp hành xong hình phạt tù; 2. Bản án số 51/2014/HS-ST ngày 15/7/2014 của Tòa án nhân dân quận BT, thành phố Cần Thơ xử phạt 02 năm tù về tội vận chuyển trái phép chất ma túy, đến ngày 24/02/2016 chấp hành xong hình phạt tù; 3. Bản án số 19/2017/HSST ngày 08/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/9/2019); tiền sự: không; nhân thân: ngày 10/02/2004 có hành vi gây rối trật tự công cộng, bị áp dụng Nghị định 163 đã chấp hành xong; ngày 11/10/2004 có hành vi trộm cắp tài sản, công an xã TL đề nghị áp dụng đưa vào trường giáo dưỡng, đã chấp hành xong; ngày 09/7/2008

công an huyện PH đưa vào cơ sở chữa bệnh về hành vi sử dụng ma túy, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/6/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Nguyễn Văn Th – sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp MT, xã PH, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

2. Huỳnh Văn K – sinh năm 1964 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp XM, xã PH, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

3. Nguyễn Huỳnh Phúc K2 – sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp MT2, xã PH, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1 – sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: khu dân cư TN, phường AK, quận NK, thành phố Cần Thơ (chổ ở khác: ấp TK1, xã LT, huyện PH, tỉnh Hậu Giang)

2. NLQ2 – sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp TLC, xã TL, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

3. NLQ3 – sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp TLA1, xã TL, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

4. NLQ4 – sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp TLB, xã TL, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền mua ma túy sử dụng, trong khoảng thời gian từ ngày 01/4/2021 đến ngày 16/4/2021, Trần Ngọc T và Nguyễn Ngọc T1 đã cùng nhau thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện PH, tỉnh Hậu Giang cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 01/4/2021, Trần Ngọc T điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 95E1-142.69 chở Nguyễn Ngọc T1 chạy từ khu vực thành phố Ngã Bảy đến địa bàn xã PH, huyện PH, tỉnh Hậu Giang để tìm tài sản trộm cắp. Khi T và T1 đến tiệm sửa xe của ông Nguyễn Văn Th thì phát hiện cửa tiệm mở, không có người trông coi, T cho xe dừng lại, T1 xuống xe đi vào trong tiệm lấy trộm 05 cái vỏ (lốp) xe mô tô chưa qua sử dụng gồm: 01 cái hiệu Maxxis 225, 01 cái hiệu Maxxis 250, 01 cái hiệu Maxxis 275, 01 cái hiệu Maxxis không ruột 70/90/17 và 01 cái hiệu Irc Tire 275-17, rồi mang ra xe T chở rời khỏi hiện trường, tài sản trộm được T và T1 bán cho ông NLQ1 02 cái vỏ xe (01 cái hiệu Maxxis 250 và 01 cái hiệu Irc Tire 275-17) với số tiền 240.000 đồng và bán cho ông NLQ2 03 cái vỏ còn lại với số tiền 240.000 đồng, số tiền có được T và T1 sử dụng hết vào mục đích mua ma túy sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06/2021/KL-HĐĐGTS ngày 06/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện PH, tỉnh Hậu Giang, kết luận giá trị tài sản là 01 cái vỏ xe hiệu Maxxis 225 có giá 170.000 đồng, 01 cái vỏ xe hiệu Maxxis 250 có giá 203.000 đồng, 01 cái vỏ xe hiệu Maxxis 275 có giá 263.000 đồng, 01 cái vỏ xe hiệu Maxxis không ruột 70/90/17 có giá 283.000 đồng và 01 cái vỏ xe hiệu Irc Tire 275-17 có giá 285.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 1.204.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 08 giờ 20 phút ngày 14/4/2021, Trần Ngọc T điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 95E1-142.69 chở Nguyễn Ngọc T1 chạy từ khu vực thành phố NB đến địa bàn xã PH, huyện PH, tỉnh Hậu Giang để tìm tài

sản trộm cắp. Khi T và T1 đến tiệm tạp hóa của ông Huỳnh Văn K thì phát hiện cửa tiệm mở, không có người trông coi, T cho xe dừng lại, T1 xuống xe đi vào trong tiệm lấy trộm 03 thùng bia hiệu Kiên Giang (loại 24 lon x 330ml) và 01 thùng nước ngọt hiệu Mirinda hương cam (loại 24 lon x 330ml), rồi mang ra xe T chở rời khỏi hiện trường, tài sản trộm được, T và T1 bán cho tiệm tạp hóa của bà NLQ3 được số tiền 520.000 đồng (140.000 đồng/01 thùng bia, 100.000 đồng/01 thùng nước ngọt), số tiền có được T và T1 sử dụng hết vào mục đích mua ma túy sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 11/2021/KL-HĐĐGTS ngày 22/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện PH, tỉnh Hậu Giang, kết luận giá trị tài sản là 03 thùng bia Kiên Giang (loại 24 lon x 330ml) có giá trị là 516.000 đồng, 01 thùng nước ngọt nhãn hiệu Mirinda hương cam (loại 24 lon x 330ml) có giá trị là 170.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 686.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 16/4/2021, Trần Ngọc T điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 95E1-142.69 chở Nguyễn Ngọc T1 chạy từ khu vực thành phố NB đến địa bàn xã PH, huyện PH, tỉnh Hậu Giang để tìm tài sản trộm cắp. Khi T và T1 đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của ông Nguyễn Huỳnh Phúc K2 thì phát hiện cửa hàng mở không có người trông coi, T cho xe dừng lại, T1 xuống xe đi vào trong lấy trộm 06 chai thuốc trị nấm khuẩn hiệu Fukuda, rồi mang ra xe T chở rời khỏi hiện trường.

Tại Kết luận định giá tài sản số 11/2021/KL-HĐĐGTS ngày 22/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện PH, tỉnh Hậu Giang, kết luận giá trị tài sản là 06 chai thuốc trị nấm khuẩn hiệu Fukuda có giá trị là 540.000 đồng.

Đối với Trần Ngọc T và Nguyễn Ngọc T1: Ngày 17/4/2021, Cơ quan điều tra mời T và T1 làm việc đã Th nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 06 chai thuốc trị nấm khuẩn hiệu Fukuda.

Trong quá trình điều tra ông NLQ1, ông NLQ2 và bà NLQ3 đã tự nguyện

giao nộp số tài sản mua của T và T1 do trộm cắp mà có cho Cơ quan điều tra, gồm: 05 cái vỏ xe mô tô, 03 thùng bia hiệu Kiên Giang và 01 thùng nước ngọt hiệu Mirinda hương cam.

Tại Bản cáo trạng số 52/CT-VKS-VPH ngày 31/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện PH đã truy tố bị cáo Trần Ngọc T và bị cáo Nguyễn Ngọc T1 về tội "trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố, chuyển khung hình phạt từ điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự thành điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đồng thời bổ sung tình tiết tăng nặng phạm tội từ hai lần trở lên đối với các bị cáo và tình tiết tăng nặng tái phạm đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T1. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T1 mức án từ 24 đến 30 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T1 mức án từ 18 đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: không ai yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Xử lý vật chứng: đề nghị trả lại xe mô tô cho ông NLQ4.

Ý kiến của các bị cáo tại phiên toà: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại có mặt tại phiên toà: đề nghị Toà án xét xử theo quy định pháp luật, không yêu cầu bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Cơ quan điều tra, kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện PH trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Cơ quan điều tra, kiểm sát viên, Viện kiểm sát thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự có mặt của bị hại, đương sự: Xét thấy, các bị hại, đương sự đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Đồng thời, việc vắng mặt của bị hại, đương sự không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. Do vậy, căn cứ Điều 192 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng:

[3.1] Bị cáo Trần Ngọc T và Nguyễn Ngọc T1 đều là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo T đã có 03 tiền án chưa được xóa án tích về tội trộm cắp tài sản, đối với bị cáo T1 có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản và 02 tiền án về tội vận chuyển trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích. Trong tháng 4 năm 2021, các bị cáo lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản nên đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện PH, cụ thể như sau:

[3.2] Vụ thứ nhất. Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 01/4/2021, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 95E1-142.69 chở bị cáo T1 thực hiện hành vi trộm cắp 05 vỏ xe mô tô chưa qua sử dụng tại nhà của bị hại Nguyễn Ngọc Th. Tổng giá trị tài sản trộm cắp được định giá là 1.204.000 đồng.

[3.3] Vụ thứ hai. Vào khoảng 8 giờ 20 phút ngày 14/4/2021, bị cáo T điều

khiển xe mô tô biển số kiểm soát 95E1-142.69 chở bị cáo T1 thực hiện hành vi trộm cắp 03 thùng bia hiệu Kiên Giang và 01 thùng nước ngọt hiệu Mirinda tại nhà của bị hại Huỳnh Văn K. Tổng giá trị tài sản trộm cắp được định giá là 686.000 đồng.

[3.4] Vụ thứ ba. Vào khoảng 7 giờ 30 phút ngày 16/4/2021, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 95E1-142.69 chở bị cáo T1 thực hiện hành vi trộm cắp 06 chai thuốc trị nấm khuẩn hiệu Fukuda tại nhà của bị hại Nguyễn Huỳnh Phúc K2. Tổng giá trị tài sản trộm cắp được định giá là 540.000 đồng.

[3.5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự: "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm...*". Đối chiếu với hành vi phạm tội của các bị cáo và quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự: Mặc dù các bị cáo thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản mà mỗi lần trộm cắp có giá trị tài sản bị trộm cắp là dưới 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, các bị cáo đã từng có tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xoá án tích nên mỗi lần các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do vậy, tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố đối với các bị cáo, chuyển truy tố từ điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự thành điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, phù hợp với quy định của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét tính chất, mức độ phạm tội và vai trò đồng phạm của các bị cáo:

[4.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bản thân các bị cáo đều có nhân thân rất xấu, từng nhiều lần bị đưa đi chấp hành án phạt tù thì lẽ ra phải nhận thức được sự nghiêm

khắc của pháp luật để từ đó cố gắn, phấn đấu làm lại cuộc đời. Nhưng các bị cáo đã không làm như vậy mà lại lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp nhằm mục đích có tiền sử dụng ma túy. Hành vi của các bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn tiếp tay cho các đối tượng mua bán trái phép chất ma túy hoạt động dẫn đến nhiều hệ luỵ cho xã hội. Do vậy, trong lần xét xử này cần phải có mức hình phạt thực sự nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích, qua đó giúp đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung.

[4.2] Trong vụ án này cả hai đều thống nhất là bị cáo T thì lái xe, còn bị cáo T1 sẽ trực tiếp vào trộm tài sản, gặp ai sơ hở tài sản thì trộm chứ không có chủ đích từ trước là sẽ trộm tài sản gì hoặc của ai cụ thể. Tài sản trộm được cả hai bán để mua túy về cùng sử dụng nên xét tính chất đồng phạm của các bị cáo chỉ là giản đơn và mức độ phạm tội của cả hai là ngang nhau.

[5] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Các bị cáo đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản nhưng lại tiếp tục thực hiện 03 vụ trộm cắp đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội từ hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo T1 ngoài tiền án trộm cắp tài sản thì bị cáo còn có tiền án về tội vận chuyển trái phép chất ma túy nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, do vậy bị cáo phải chịu riêng tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đề nghị bổ sung tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp với quy định của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận lại được tài sản bị trộm cắp

và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: Vật chứng là xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave Alpha, biển kiểm soát số 95E1-14269. Thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông NLQ4. Xét việc các bị cáo dùng xe đi trộm cắp tài sản thì ông NLQ4 không biết nên cần trả lại cho ông NLQ4.

[8] Nghĩa vụ chịu án phí: Các bị cáo phải chịu án theo quy định.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T1 phạm tội trộm cắp tài sản

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T1 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/6/2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để bảo đảm thi hành án.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội trộm cắp tài sản

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/6/2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để bảo đảm thi hành án.

3. Về vật chứng: áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả cho ông NLQ4 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave Alpha, biển kiểm soát số 95E1-14269. (Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 25/L-CQĐT ngày 26/8/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện PH)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./

***Nơi nhận*:**
- VKSND H PH;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Bị cáo, bị hại, đương sự;
- CQĐT CA H PH;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Sở tư pháp;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thái Thơ